

Bản án số: 23/2025/HS-PT
Ngày 14 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 188/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Kiên G và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo:

1. Nguyễn Kiên G (tên gọi khác: Nguyễn Trường G1), sinh ngày 10/02/1978, giới tính nam, tại G - Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang); Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Tuyết V; Vợ Lâm Thị S1, Con 01 người, sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 21/12/1998, bị Tòa án nhân dân thị xã Rạch Giá xử phạt 15 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985, đã chấp hành xong Bản án, được xóa án tích.

+ Ngày 26/02/2004, bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã chấp hành xong Bản án, được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

2. Đinh Gia L (tên gọi khác: Ba K1), sinh ngày 08/10/1992, giới tính nam, tại N - Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (*Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang*); Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Đinh Gia T và bà Nguyễn Thị Q; Tiền án: Ngày 17/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa chấp hành Bản án về nộp án phí; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, đã chấp hành xong Bản án, được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

3. Phạm Văn H, sinh ngày 23/02/1990, giới tính nam, tại K - Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang*); Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Phạm Văn S2 và bà Nguyễn Thị C; Vợ Ngô Thị Vân A; Con ruột 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

4. Nguyễn Văn S (tên gọi khác: C1), sinh ngày 14/01/1985, giới tính nam, tại P - Kiên Giang. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ H, khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn C2 và bà Nguyễn Thị N; Vợ Huỳnh Thị Kim H1 (đã ly hôn); Con ruột 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án: Ngày 28/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi*” chưa chấp hành Bản án về nộp án phí; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

5. Cao Văn V1, sinh ngày 09/5/1990, giới tính nam, tại D - Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (*Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã C, thành phố P,*

tỉnh Kiên Giang); Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Cao Văn L1 và bà Bùi Thị H2; Vợ Hoàng Thị X; Con ruột 02 người, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

6. Nguyễn Tường V2 (*tên gọi khác: D*) sinh ngày 09/7/2001, giới tính nam, tại P - Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (*Chỗ ở hiện nay: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang*); Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Minh Đ và bà Đặng Thị D1; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

7. Lê Thành P, sinh ngày 02/02/2004, giới tính nam, tại P - Kiên Giang. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố H, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn H3 và bà Nguyễn Thị T1; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến ngày 09/7/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

8. Phan Đình P1 (*tên gọi khác: Đ1*), sinh ngày 11/10/1999, giới tính nam, tại P - Kiên Giang. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Phan Hồng C3 và bà Huỳnh Thị Thu P2; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

9. Đào Anh P3, sinh ngày 21/6/2003, giới tính nam, tại P - Kiên Giang. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Đào Văn G2 và bà Đặng Thị T2; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

10. Nguyễn Anh Tuấn P4, sinh ngày 01/4/1994, giới tính nam, tại Q - Bình Định. Nơi cư trú: Khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (*Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang*); Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông

Nguyễn Hoài S3 và bà Võ Thị Kim L2 A; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

11. Võ Văn M, sinh ngày 10/10/1995, giới tính nam, tại Q - Bình Định. Nơi cư trú: Khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (*chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang*); Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Võ Văn T3 và bà Nguyễn Thị Hồng H4; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

+ Ngày 02/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đã chấp hành xong Bản án, được xóa án tích.

+ Ngày 21/01/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đã chấp hành xong Bản án, được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

12. Nguyễn Long H5, sinh ngày 20/10/1991, giới tính nam, tại C - An Giang. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (*Chỗ ở hiện tại: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang*); Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn L3 và bà Nguyễn Thị D2; Vợ Lê Thị Mỹ X1; Con ruột 01 người, sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/10/2014, bị Công an thị xã H ra Quyết định xử phạt hành vi vận chuyển hàng cấm với số tiền 3.000.000 đồng, đã chấp hành xong Quyết định. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 22/11/2023 thì chuyển tạm giam cho đến nay.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Luật sư Phạm Anh V3, văn phòng L6, Đoàn Luật sư tỉnh K tham gia bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S.

2. Luật sư Bùi Hảo T4, văn phòng L7 và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh K tham gia bào chữa cho bị cáo Phan Đình P1.

3. Luật sư Nguyễn Ngọc P5, Công ty L8, Đoàn Luật sư Thành phố H tham gia bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tường V2.

(*Các bị cáo và các Luật sư có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/5/2022, vợ chồng bà Nguyễn Anh T5 và ông Thái Thanh H6 (đã chết) cho bà Phạm Thị M1 thuê nhà và đất để đứng tên giấy phép kinh doanh nhà nghỉ “Trùng Dương Galaxy” tại địa chỉ số A đường C, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Đến tháng 9/2022, có người tên L4 (chưa rõ nhân thân) thuê Nguyễn Kiên G làm nhân viên quản lý nhà nghỉ “Trùng Dương G3”, L4 nói với G là L4 đã thuê lại nhà nghỉ. Công việc hàng ngày của G là cho khách thuê phòng, bố trí loa đèn, đĩa sứ, thẻ cà cho khách sử dụng ma túy và lấy tiền cho thuê phòng từ 1.800.000 đồng – 2.000.000 đồng/đêm và giao tiền lại hàng ngày cho người thanh niên tên T10 (chưa rõ nhân thân), tiền công của G là 6.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 7/2023, T10 thuê Đinh Gia L vào làm công việc dọn dẹp, vệ sinh nhà nghỉ, tiền công là 06 triệu đồng/tháng.

Ngày 13/11/2023 và ngày 14/11/2023, G và L đã bố trí cho khách thuê các phòng số 101, 102, 103, 104 và 106 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Phòng số 101: Vào khoảng 01 giờ, ngày 14/11/2023, Phạm Văn H dùng điện thoại di động gọi cho Cao Văn V1 bàn bạc với nhau hùn tiền thuê phòng nhà nghỉ “Trùng Dương G3” để sử dụng ma túy, thuê 02 người con gái cùng đến sử dụng ma túy, tổng cộng bao nhiêu tiền thì sẽ chia đều cho nhau, V1 đồng ý. Sau đó, H gọi điện thoại cho Đinh Gia L thuê phòng để tổ chức sử dụng ma túy, với số tiền là 2.000.000 đồng, nhờ L gọi thêm 02 người con gái vào phòng để tổ chức sử dụng ma túy, hết bao nhiêu tiền sau khi sử dụng ma túy xong H sẽ trả cho L, L đồng ý.

Khoảng 05 phút sau, khi đến nơi thì H và V1 gặp L và Nguyễn Kiên G, H mua của 01 người (chưa rõ nhân thân) 04 viên thuốc lắc và 01 bịch ma túy loại Ketamine. H nói với L và G cho thuê 01 phòng để sử dụng ma túy thì G và L nói thuê phòng để tổ chức sử dụng ma túy là 2.000.000 đồng, L kêu 02 người con gái vào phòng sử dụng ma túy thì mỗi người là 1.500.000 đồng, H nói tổng số tiền thuê phòng và thuê người sử dụng ma túy thì trưa ngày 14/11/2023 H sẽ trả cho L và G, tất cả đồng ý. G sắp xếp cho H và L vào phòng số 101 để sử dụng ma túy.

Sau đó, L gọi điện thoại cho Võ Thị Tiết N1 và Nguyễn Thị Thúy M2 đến sử dụng ma túy với H, mỗi người sẽ được số tiền là 1.500.000 đồng của khách, L sẽ lấy tiền hoa hồng 200.000 đồng của mỗi người, còn lại N1 và M2 mỗi người sẽ được số tiền là 1.300.000 đồng, tất cả đồng ý. Sau đó, H và V1 đi vào phòng số 101, H lấy ra 01 viên ma túy đưa cho V1 để sử dụng, H lấy 01 viên ma túy sử dụng. H đồ ma túy loại Ketamine ra đĩa sứ, dùng thẻ cà ma túy, V1 lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng quán thành ông hút rồi cả hai cùng sử dụng, 02 viên ma túy còn lại H để trên bàn

trong phòng. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, L dẫn M2 và N1 đi vào phòng 101, H kêu M2 và N1 sử dụng 02 viên ma túy còn lại.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Công an thành phố P kiểm tra, bắt quả tang thu giữ số ma túy còn lại ở trên đĩa sứ.

Phòng số 102: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 14/11/2023, Nguyễn Văn S dùng điện thoại di động gọi qua zalo cho Huỳnh Thị Cẩm T6 rủ sử dụng ma túy, T6 đồng ý, S hẹn T6 đến nhà nghỉ “*Trùng Dương G3*” thuê phòng để sử dụng ma túy. T6 nói với S để T6 thuê phòng và T6 kêu S chuyển tiền qua tài khoản cho T6, để T6 mua ma túy Ketamine và 02 viên thuốc lắc với giá 3.700.000 đồng, S chuyển khoản cho T6 số tiền 4.000.000 đồng để mua ma túy, phần tiền thừa còn lại 300.000 đồng S cho T6. Sau đó, T6 dùng điện thoại gọi cho G để thuê phòng, G bố trí cho T6 phòng số 102, sau đó T6 gọi điện thoại cho 01 người thanh niên (*chưa rõ số thuê bao và nhân thân*) để mua ma túy và hẹn giao ma túy tại nhà nghỉ T12. Lúc này T6 nói với S đến phòng số 102 nhà nghỉ Trùng Dương G do T6 đã đặt phòng sẵn.

Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, S đi taxi đến điểm hẹn gặp G dẫn vào phòng số 102. Khoảng 05 phút sau, T6 đi bộ ra phía trước nhà nghỉ “*Trùng Dương G3*” gặp người thanh niên (*chưa rõ nhân thân*) đến giao ma túy, T6 nhận 01 bịch ma túy loại ketamine và 02 viên thuốc lắc rồi mang vào phòng, S lấy một cái đĩa có sẵn trong phòng, đổ bịch ma túy ra đĩa sứ và bẻ đôi viên thuốc lắc để S và T6 sử dụng. Trong lúc sử dụng ma túy, T6 hỏi S kêu người sử dụng ma túy và tiền thuê người sử dụng ma túy là 1.500.000 đồng, S đồng ý, lúc này, T6 đi ra ngoài gặp và rủ Nguyễn Thị G4 đến cùng sử dụng ma túy. Khoảng 10 phút sau, G4 đi vào phòng 102 cùng sử dụng ma túy. Sau đó, S gọi điện thoại cho Nguyễn Thế L5 đến để cùng sử dụng ma túy, L5 đồng ý. Sau đó, L5 đến phòng 102 cùng sử dụng ma túy với S, T6 và G4.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Công an thành phố P đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ số ma túy còn lại trên đĩa sứ.

Phòng số 104: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 13/11/2023, Nguyễn Long H5, Nguyễn Anh Tuấn P4 và Võ Văn M hát Karaoke tại quán H8, thuộc Khu phố C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, trong lúc đang hát karaoke thì P4 rủ H5 và M hùn tiền lại thuê phòng mua ma túy sử dụng, tất cả đồng ý. Lúc này P4 chuyển vào tài khoản của H5 số tiền 2.700.000 đồng để mua ma túy và trả tiền thuê phòng sử dụng ma túy, còn thiếu bao nhiêu tiền thì đến sáng hôm sau cộng lại và chia đều ra, tất cả đồng ý. Sau đó, H5 đi bộ đến khu vực cách quán karaoke khoảng 100m, gặp một người đàn ông bịt mặt (*chưa rõ nhân thân*) mua 01 bịch ma túy loại Ketamine và 02

viên thuốc lắc với giá 3.100.000 đồng. Sau khi mua ma túy, H5 mang ma túy đi vào phòng Karaoke đưa cho M cất giữ.

Đến khoảng 00 giờ, ngày 14/11/2023, H5, P4 và M đi taxi đến nhà nghỉ “*Trùng Dương G3*” để thuê phòng sử dụng ma túy. Khi đến nhà nghỉ, H5 gặp L hỏi thuê phòng để sử dụng ma túy, L dẫn vào phòng số 104. P4 và M đi vào phòng, Mỹ để bịch ma túy lên đĩa sứ, P4 lấy ma túy đổ ra đĩa rồi cùng nhau sử dụng, còn H5 kêu L thuê một người con gái vào phòng để sử dụng ma túy, L báo giá thuê người sử dụng ma túy là 1.500.000 đồng, H5 đồng ý, L kêu Nguyễn Thị Xuân T7 đến sử dụng ma túy với H5.

Sau đó, H5 đi vào phòng sử dụng ma túy cùng với P4 và Mỹ. Khoảng 30 phút sau, T7 đi vào phòng ngồi bên cạnh H5, cùng sử dụng ma túy, H5 lấy viên thuốc lắc còn lại bẻ ra đưa T7 sử dụng nửa viên, còn nửa viên H5 sử dụng.

Đến khoảng 03 giờ, ngày 14/11/2023, Công an thành phố P kiểm tra bắt quả tang thu giữ số ma túy còn lại trên đĩa sứ và trên nệm 01 bịch ma túy còn lại sử dụng chưa hết.

Phòng số 106: Vào khoảng 20 giờ, ngày 13/11/2023, Phan Đình P1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Đào Anh P3, Nguyễn Tuấn K2 và T8 (*chưa rõ nhân thân*) uống bia tại quán A, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang thì Trường R, K2, V2, Thành P, P3 thuê phòng để sử dụng ma túy, T8 sẽ mang ma túy đến để sử dụng, bao nhiêu tiền thì chia đều ra, Đình P1, V2, Thành P, P3 đồng ý, còn K2 không đồng ý.

Đến khoảng 00 giờ, ngày 14/11/2023, K2 đi về trước, còn Đình P1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68P1 – 710.28 (*của bà Huỳnh Thị Thu P2*) chở Thành P, P3 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68P1 – 777.67 (*xe Phú mượn của Huỳnh Quốc H7*) chở V2 đến nhà nghỉ “*Trùng Dương G3*”. Đến khoảng 00 giờ 10 phút cùng ngày, đến nơi thuê phòng sử dụng ma túy, L bố trí dẫn tất cả đi vào phòng số 106. Linh tính tiền thuê phòng là 1.900.000 đồng, Đình P1 đưa ra số tiền 500.000 đồng, còn Thành P đưa ra số tiền 1.400.000 đồng để trả tiền thuê phòng. Khoảng 20 phút sau thì T8 đi cùng với 01 người phụ nữ (*chưa rõ nhân thân*) T8 đem ma túy đến gồm 01 bịch ma túy Ketamine và 02 viên thuốc lắc, T8 nói cho tất cả biết là tổng tiền mua ma túy là 3.100.000 đồng, T8 hùn vào 1.000.000 đồng, còn lại 2.100.000 đồng thì Đình P1, V2, Thành P và P3 khi nào sử dụng ma túy xong ai cùng sử dụng ma túy thì chia tiền với nhau, tất cả đồng ý.

Trong phòng có sẵn 01 cái đĩa sứ, 01 ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 thẻ nhựa, loa và đèn chiếu, T8 lấy ma túy loại Ketamine đổ ra đĩa rồi dùng

thẻ cà nhuỷễn, còn 02 viên ma túy chia nhỏ ra, tất cả cùng sử dụng ma túy. Lúc này, K2 đang uống bia cùng với Trần Lê Ngọc K3, Đình P1 rủ K2 và K3 đến phòng số 106 nhà nghỉ T12 để sử dụng ma túy. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, K2 và K3 đến sử dụng ma túy, còn T8 và người phụ nữ sau khi sử dụng ma túy thì bỏ đi về trước.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đến kiểm tra phòng số 106 phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy còn lại trên đĩa sứ.

Phòng số 103: L cho 02 người khách (*chưa rõ nhân thân*) thuê phòng để sử dụng ma túy vào khoảng 22 giờ ngày 13/11/2023 đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khách trả phòng trước khi bị Công an bắt quả tang.

Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 14/11/2023, G đã 02 lần kêu người nữ (*chưa rõ nhân thân*) đến cùng sử dụng ma túy với khách và được hưởng tiền hoa hồng 600.000 đồng. Trong thời gian làm thuê cho L4, G được L4 trả tiền lương là 78.000.000 đồng.

Từ ngày 21/11/2023 đến ngày 22/11/2023, Nguyễn Văn S, Huỳnh Thị Cẩm T6, Nguyễn Tường V2, Phan Đình P1, Lê Thành P, Đào Anh P3, Nguyễn Kiên G, Cao Văn V1, Đình Gia L, Phạm Văn H, Nguyễn Anh Tuấn P4, Võ Văn M và Nguyễn Long H5 lần lượt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P khởi tố, tạm giam để điều tra.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:*

- **Tại phòng số 101:** 01 (một) bịch nylon màu trắng, có rãnh gài viền màu đỏ kích thước 04cm x 4,2cm, bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ trên đĩa sứ tròn màu trắng, đã được niêm phong; 01 (một) đĩa sứ tròn, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng, đã qua sử dụng; 06 (sáu) thẻ cà ma túy bằng nhựa (thu giữ trong phòng 101 là 01 thẻ cà, thu giữ của Nguyễn Kiên G là 05 thẻ cà; 01 (một) loa thùng màu đen hiệu LG; 01 đèn nền màu trắng; 01 máy chiếu màu đen, đều đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, số IMEI1: 353652736059743, số IMEI2: 3536527362757837, đã qua sử dụng (thu giữ của Cao Văn V1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, số IMEI1: 357234099600532, số IMEI2: 357234099020616, đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Văn H); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEI1: 355238413638393, số IMEI2: 355238413502334, đã qua sử dụng (thu giữ của Đình Gia L); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEI1: 350777738601979, số IMEI2: 350777738712941, đã qua sử dụng (thu giữ của Võ Thị Tiết N1); 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu xanh, số IMEI1:

357026895425506, số IMEI2: 357412785425501, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Thúy M2); Tiền Việt Nam 10.700.000 đồng (*Mười triệu bảy trăm nghìn đồng*) thu giữ của Nguyễn Kiên G.

- **Tại phòng số 102:** 01 (một) đĩa sứ màu trắng, hình tròn, có đường kính 26cm, bên trên có các hạt chất rắn màu trắng không đồng nhất, đã được niêm phong; 01 (một) ống hút bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng - đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) đèn laze màu đen, ký hiệu MP-787, đã qua sử dụng; 01 (một) loa có dòng chữ LG, đã qua sử dụng; 01 (một) đèn nền màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu S5, số imei 1: 355382701916143, số imei 2: 359908271916141, màu xanh, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm T9); 01 (một) điện thoại di động hiệu S5, số imei 1: 354565116157805, số imei 2: 354566116157803, màu tím, đã qua sử dụng. (thu giữ của Nguyễn Văn S; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số imei: 861042061790374, số imei 2: 861042061790366, màu xám, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thế L5); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh đen số imei: 355060581512006, số imei 2: 355060581744724, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị G4).

- **Tại phòng số 104:**

Gói 1: 01 (một) bịch nylon màu trắng, có rãnh gài, viền màu đỏ, kích thước khoảng 04cm x 04cm, bên trong có chứa chất bột màu trắng, không đồng nhất thu giữ trên đĩa sứ, đã được niêm phong;

Gói 2: 01 (một) bịch nylon màu trắng, có rãnh gài, viền màu đỏ, kích thước khoảng 3,2cm x 3,8cm, bên trong có chứa các hạt tin thể rắn màu trắng, không đồng nhất thu giữ trên nệm trong phòng, đã được niêm phong;

01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn có đường kính khoảng 23cm, bị bể, vỡ một phần kích thước ngang 14cm, rộng 4cm (đã qua sử dụng); 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (đã qua sử dụng); 01 (một) thẻ cà được làm bằng nhựa (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu iphon 12 ProMax màu vàng có IMEI1 350141781382609; IMEI2 3501417813814107 (thu giữ của Nguyễn Long H5, đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu iphon 14 ProMax màu tím có IMEI1 355281438895531; IMEI2 355281438443795 (thu giữ của Nguyễn Thị Xuân T7, đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu iphon 6s Plus màu vàng có IMEI 359294069432660 (thu giữ của Võ Văn M, đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu đen bị bể mặt lưng sau có IMEI1 865233040028541/02; IMEI2 865233042163544/02 (thu giữ Nguyễn Anh Tuấn P4, đã qua sử dụng); 01 (một) thùng loa có ký hiệu chữ XBOOM màu đen (đã qua sử dụng).

dụng); 01 (một) đèn chiếu màu đen có dòng chữ LASER SHOW (đã qua sử dụng); 01 (một) đèn chiếu màu trắng (đã qua sử dụng).

- **Tại phòng số 106:** 01 (một) bịch nylon màu trắng có rãnh gài viền màu đỏ, kích thước 04cmx04cm bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn, màu trắng, không đồng nhất (thu giữ khi bắt quả tang); 01 (một) đĩa sứ màu trắng, hình tròn, đường kính 26cm, đã qua sử dụng; 01 (một) ống hút được quấn bằng tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng); 01 (một) thẻ nhựa, đã qua sử dụng; 01 (một) loa hát nhạc hiệu LG, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) đèn laser show màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) máy chiếu màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro màu vàng, seri FCLD610HN70F, đã qua sử dụng (thu giữ của Đào Anh P3); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số iemi 1: 860340045324894, số imei 2: 860340045234886, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Đình P1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro màu xanh, số imei 352873111437889, số imei 2: 352873111330480, mặt trước bị nứt, đã qua sử dụng (thu giữ của Lê Thành P); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung số imei 358777101582188/01, đã qua sử dụng (thu giữ của Trần Lê Ngọc K3); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro màu tím, seri YF16K61XVW, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Tường V2); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro màu xanh rêu, số imei: 353893100728675, số imei 2: 353893100701854, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Tuấn K2).

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 68P1 – 777.67 và xe mô tô biển kiểm soát 68P1 – 710.28 chủ sở hữu không có lỗi trong việc giao cho Phan Đình P1 và Đào Anh P3 sử dụng, nên không xử lý.

* *Tại bản Kết luận giám định số 1179/KL-KTHS ngày 21/11/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh K kết luận:* Chất bột màu trắng chứa trong 01 bịch nylon màu trắng, có rãnh gài viền màu đỏ, được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,1702 gam (Ma túy thu tại phòng số 101).

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

* *Tại bản Kết luận giám định số 1178/KL-KTHS ngày 20/11/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh K kết luận:* Các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất chứa trên 01 đĩa sứ, được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,0091 gam (Ma túy thu tại phòng số 102).

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

** Tại bản Kết luận giám định số 1180/KL-KTHS ngày 20/11/2023, của Phòng K4 Công an tỉnh K kết luận:*

- Gói 01: Chất bột màu trắng chứa trong 01 bìch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,2556 gam.

- Gói 02: Chất bột màu trắng chứa trong 01 bìch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,3587 gam (Ma túy thu tại phòng số 104).

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

** Tại bản Kết luận giám định số 1181/KL-KTHS ngày 21/11/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh K kết luận:* Các hạt tinh thể rắn màu trắng, không đồng nhất chứa bên trong 01 bìch nylon, được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,3835 gam (Ma túy thu tại phòng số 106).

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 163/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:**

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Kiên G, Đinh Gia L, Nguyễn Văn S, Phạm Văn H, Huỳnh Thị Cẩm T6, Võ Văn M, Nguyễn Long H5, Cao Văn V1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Phan Đình P1, Đào Anh P3 và Nguyễn Anh Tuấn P4 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1 Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Kiên G 07 (Bảy) năm 06 (S4) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.2 Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đinh Gia L 07 (Bảy) năm 06 (S4) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn H 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.5 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Long H5 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.6 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh T10 P4 04 (B1) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.7 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Đình P1 04 (B1) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.8 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Văn M 04 (B1) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.9 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tường V2 04 (B1) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.10 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Anh P3 04 (B1) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

1.11 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thành P 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2023 đến ngày 09/7/2024.

1.12 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Cao Văn V1 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Cẩm T6 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

- Ngày 02/10/2024 bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố P ban hành Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKSPQ đối với bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Anh Tuấn P4.

- Ngày 17/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 01/QĐ-VKSPQ rút quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKSPQ ngày 08/10/2024.

- Ngày 28/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS đối với bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Võ Văn M, Cao Văn V1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Phan Đình P1, Đào Anh P3, Nguyễn Anh Tuấn P4; tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Kiên G, Đinh Gia L, Phạm Văn H, Võ Văn M, Nguyễn Long H5, Cao Văn V1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Phan Đình P1, Đào Anh P3 và Nguyễn Anh Tuấn P4.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm xử các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng tội. Bị cáo S và H xin rút kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08 ngày 28/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, bổ sung thêm một phần kháng nghị đối với bản án hình sự sơ thẩm số 163/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang:

* Hủy 1 phần bản án hình sự sơ thẩm số 163/2024/HSST ngày 30/9/2024 để điều tra lại đối với Nguyễn Kiên G và Đinh Gia L.

* Không áp dụng Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Võ Văn M, Cao Văn V1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Phan Đình P1, Đào Anh P3, Nguyễn Anh Tuấn P4. Tăng hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Phạm Văn H: Từ 07 năm tù tăng hình phạt lên từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- Nguyễn Long H5: Từ 07 năm tù tăng hình phạt lên từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- Võ Văn M: Từ 04 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù.

- Cao Văn V1: từ 03 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù.

- Nguyễn Tường V2: Từ 04 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù

- Lê Thành P: từ 03 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù.

- Phan Đình P1: Từ 04 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù.

- Đào Anh P3: Từ 04 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù.

- Nguyễn Anh Tuấn P4: Từ 04 năm tù tăng hình phạt lên 07 năm tù.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn văn S và Phạm Văn H do các bị cáo rút kháng cáo tại tòa.

**** Luật sư Bùi Hảo T4 bào chữa cho bị cáo Phan Đình P1 có ý kiến:***

Việc tổ chức sử dụng là do T8 đứng ra tổ chức, mua ma túy, thuê phòng và rủ các bị cáo khác tham gia. Các bị cáo còn lại là đồng phạm tham gia sử dụng ma túy. Bởi bị cáo P1 chỉ theo T8, được T11 rủ, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự là phù hợp. Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng, bị cáo phạm tội lần đầu. Mức án 4 năm tù mà cấp sơ thẩm xử bị cáo là chưa phù hợp, chưa có sức răn đe, tuy nhiên đề nghị HĐXX chấp nhận 01 phần kháng nghị, xử bị cáo mức án từ 5 đến 6 năm tù là phù hợp. Đồng thời, kiến nghị HĐXX xem xét, điều tra làm rõ hành vi của tên T8, vì hiện nay T8 đã bị bắt về tội Giết người.

Luật sư P4 bào chữa cho bị cáo Tường V2:

Luật sư không đồng ý kháng nghị của Viện kiểm sát. Theo lời khai của các bị cáo, V2 không phải là người tổ chức, chuẩn bị sử dụng ma túy, không liên hệ với ai để sử dụng ma túy, không biết là góp tiền để mua và sử dụng ma túy, vì sau khi mua ma túy rồi bị cáo mới đưa tiền, chứng tỏ V2 chỉ tham gia sử dụng ma túy mà không có sự chuẩn bị khác. Do đó, cần xem xét đánh giá toàn diện hành vi của các bị cáo. Việc V2 đồng ý sử dụng ma túy là giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi, nên V2 chỉ là đồng phạm giúp sức không đáng kể theo nhận định của cấp sơ thẩm là phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng nghị, y án sơ thẩm đối với bị cáo V2 và xem xét làm rõ vai trò của tên T8 trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Kháng cáo, kháng nghị về nội dung, thời hạn đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào tháng 9/2022, người tên L4 (chưa rõ nhân thân) thuê Nguyễn Kiên G làm quản lý nhà nghỉ phục vụ cho khách thuê phòng, bố trí loa đèn, đĩa sứ, thẻ cà cho khách sử dụng ma túy tại nhà nghỉ “T”. Đến tháng 7/2023, T10 (chưa rõ nhân thân) thuê Đinh Gia L vào làm công việc dọn dẹp, vệ sinh nhà nghỉ. Từ khoảng 22 giờ, ngày 13/11/2023 đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 14/11/2023, G và L bố trí phòng, loa đèn, đĩa sứ cho Phạm Văn H và Cao Văn V1 thuê phòng số 101, Nguyễn Văn S và Huỳnh Thị Cẩm T6 thuê phòng số 102, Nguyễn Long H5, Nguyễn Anh Tuấn P4 và Võ Văn M thuê phòng số 104, Phan Đình P1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Đào Anh P3, T8 đi cùng với 01 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân) thuê phòng số 106 và 02

người khách (chưa rõ nhân thân) thuê phòng số 103 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó, bị lượng Công an bắt quả tang, thu giữ khối lượng ma túy còn lại chưa sử dụng tại phòng các bị cáo sử dụng.

Cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo gồm Nguyễn Văn S, Phạm Văn H, Huỳnh Thị Cẩm T6, Võ Văn M, Nguyễn Long H5, Cao Văn V1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Phan Đình P1, Đào Anh P3 và Nguyễn Anh Tuấn P4 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng quy định. Tuy nhiên, đối với hành vi của hai bị cáo Kiên G và Gia L, cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là chưa đúng tội danh. Bởi lẽ, bị cáo G được người tên L4 thuê làm quản lý nhà nghỉ T12, bị cáo L được người tên Tuấn A1 thuê làm nhân viên dọn dẹp trong nhà nghỉ; quá trình thực hiện nhiệm vụ các bị cáo đã bố trí, sắp xếp cho khách thuê phòng và biết rõ việc khách thuê phòng để sử dụng ma túy, chuẩn bị và bố trí các dụng cụ để khách sử dụng ma túy như loa đèn, đĩa sứ, thẻ cà. G thu tiền thuê phòng từ 1.800.000 đồng – 2.000.000 đồng/đêm và giao tiền lại hàng ngày cho người thanh niên tên T10 (chưa rõ nhân thân) thông qua việc T10 trực tiếp đến nhà nghỉ lấy tiền hoặc G chuyển tiền vào tài khoản cho T10, G được trả tiền công là 6.000.000 đồng/tháng; bị cáo Gia L được trả tiền công là 6.000.000 đồng/tháng. Do đó, hành vi của hai bị cáo G, L thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngoài ra, đối với L4 và T10 là những người đã thuê G quản lý nhà nghỉ, thu tiền cho thuê phòng và thuê L dọn dẹp, vệ sinh nhà nghỉ nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành điều tra để làm rõ vai trò của người tên T10, L4 trong vụ án là có thiếu sót.

Ngoài ra, cần phải điều tra làm rõ vai trò của Phạm Thị M1 là người đứng tên giấy phép kinh doanh nhà nghỉ T12 cho người tên L4 thuê sử dụng lại, dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[3] Đối với kháng nghị tăng hình phạt của các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Cao Văn V1, Nguyễn Anh Tuấn P4, Võ Văn M, Phan Đình P1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Đào Anh P3 thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, khi thực hiện hành vi phạm tội tại các bị cáo đã có sự thỏa thuận và thống nhất với nhau cùng hùn tiền mua ma túy và thuê phòng tại Nhà nghỉ “*Trùng Dương GaLaXy*” để cùng sử dụng ma túy, nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm như nhau trong vụ án. Riêng bị cáo Phạm Văn H là người khởi xướng, rủ rê bị cáo S và trực tiếp thuê phòng để sử dụng ma túy (Phòng 101), Nguyễn Long H5 chuyển tiền, nhận tiền để mua ma túy và thuê người khác để sử dụng ma túy (Phòng 104), nên vai trò cao hơn so với các bị cáo còn lại. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo Võ Văn M, Cao Văn V1, Nguyễn Anh Tuấn P4,

Nguyễn Tường V2, Đào Anh P3, Lê Thành P phạm tội với vai trò đồng phạm không đáng kể và áp dụng Khoản 2 Điều 54 BLHS để tuyên phạt các bị cáo dưới khung hình phạt, cụ thể: Nguyễn Anh Tuấn P4 04 năm tù, Võ Văn M 04 năm tù, Nguyễn Tường V2 04 năm tù; Đào Anh P3 04 năm tù, Cao Văn V1 03 năm tù, Lê Thành P 03 năm tù, Phan Đình P1 04 năm tù là không đúng quy định. Đồng thời, cấp sơ thẩm xử phạt hai bị cáo H, H5 mức án đầu khung hình phạt 07 năm tù là không tương xứng với vai trò phạm tội của hai bị cáo.

Đối với bị cáo Phan Đình P1 giữ vai trò đồng phạm với các bị cáo Nguyễn Tường V2, Lê Thanh P6, Đào Anh P3, tuy nhiên phần nhận định cấp sơ thẩm không nhận định áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS nhưng phần quyết định thì lại áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo mức án 04 năm tù là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án HĐXX xét thấy kháng nghị và quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Đối với đề nghị của các Luật sư là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của bị cáo S và H: Tại phiên tòa, hai bị cáo đã tự nguyện rút đơn kháng cáo, nên HĐXX căn cứ vào Điều 342 và 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của hai bị cáo.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo S, H đã rút kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Điều 342 và 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S và Phạm Văn H.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn H, Cao Văn V1, Nguyễn Long H5, Nguyễn Anh Tuấn P4, Võ Văn M, Phan Đình P1, Nguyễn Tường V2, Lê Thành P, Đào Anh P3.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn H - 07 (Bảy) năm 06 (S4) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Long H5 - 07 (Bảy) năm 06 (S4) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh Tuấn P4 - 07 (Bảy) năm 06 (S4) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Đình P1 - 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Văn M - 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tường V2 - 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Anh P3 - 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thành P - 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2023 đến ngày 09/7/2024.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Cao Văn V1 - 07 (B) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2023.

* Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về tội danh của hai bị cáo Nguyễn Kiên G và Đinh Gia L. Giao toàn bộ hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang điều tra lại theo thủ tục chung.

* Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo S, H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Các quyết định khác của Bản án số 163/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (11);
- CQĐT TP. P (1)
- VKSND TP. P (1)
- TAND TP. P (1)
- THAHS TP. P (1)
- CCTHADS TP. P (1)
- Lưu hồ sơ (7);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang